Ký bởi: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Cơ quan: THANH TRA CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 16/03/2026 09:01:24

THANH TRA CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 166 /QĐ - TTCP	*Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành "Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2025"

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 109/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2025".

Điều 2. Căn cứ "Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2025", Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương mình theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và Kế hoạch số 289/KH-TTCP ngày 04/02/2026 của Thanh tra Chính phủ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Cục trưởng Cục Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, C.IV (5b).

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA THƯỜNG TRỰC

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Nguyễn Quốc Đoàn

THANH TRA CHÍNH PHỦ

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 166 /QĐ-TTCP ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tổng Thanh tra Chính phủ)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm
TỔNG ĐIỂM: PHẦN A (20) + PHẦN B (30) + PHẦN C (40) + PHẦN D (10)	**100**
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)	**20**
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	**5**
A.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN năm 2025	1
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	1
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	3
A.2. Đánh giá việc UBND tỉnh và các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2025	**15**
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN	4
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1
A.2.4. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	3
A.2.5. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	2
A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng	1
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	**30**
B.1. Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	**27**
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018	6
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2025)	1
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	1
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1

B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)	2
B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	3
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh. (Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh được xác định theo Khoản 3, Điều 59 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng)	**3**
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1
B.2.2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	**40**
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	**12**
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra	7
C.2. Việc xử lý tham nhũng	**20**
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng	7,5
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	**8**
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1

C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 – Điều 94 Luật PCTN)	1
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 - Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20- Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21- Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG	**10**
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	**5**
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra	3
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	**5**
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5
Đ. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025	**- 10**
ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	-2
ĐT.2. Năm 2025, Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	-4
ĐT.3. Năm 2025, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực	-4

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Phụ lục 1

PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2025

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG (Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)	**20**	**CÁCH TÍNH ĐIỂM**		
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN	**5**			
A.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN trong năm 2025	1			
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	*0,2*	*- Có văn bản triển khai: 0,2 điểm* *- Không có văn bản triển khai: 0 điểm*		*Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai*
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	*0,2*	*- Có văn bản triển khai: 0,2 điểm* *- Không có văn bản triển khai: 0 điểm*		*Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai*
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.	*0,2*	*- Có văn bản triển khai: 0,2 điểm* *- Không có văn bản triển khai: 0 điểm*		*Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai*
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt	*0,2*	*- Có văn bản triển khai: 0,2 điểm* *- Không có văn bản triển khai: 0 điểm*		*Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai*

động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.				
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật.	*0,2*	*- Có văn bản triển khai: 0,2 điểm* *- Không có văn bản triển khai: 0 điểm*		*Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai*
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	1	- Có ban hành kế hoạch: 1,0 điểm - Không ban hành kế hoạch: 0 điểm		Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	3			
A.1.3.1. Về thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN	*0,5*	*- Có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:* *- .....*
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) về PCTN	*0,5*	*- Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:* *- .....*
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	*0,5*	*- Có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:* *- .....*
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	*0,5*	*- Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:* *- .....*
A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	*0,5*	*- Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:*

				- .....
A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN 2025	*0,5*	*- Có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0,5 điểm* *- Không có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 0 điểm*		*Liệt kê nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN nêu trong Kế hoạch PCTN năm 2025 của UBND cấp tỉnh:* - .....
A.2. Đánh giá việc UBND tỉnh và các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh năm 2025	**15**			Liệt kê danh sách chi tiết các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh: 1. Các sở: …….. 2. Các ban, cơ quan, đơn vị khác thuộc UBND cấp tỉnh:……. Tổng số: ……
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4			
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL về PCTN/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch:.....* *<u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kế hoạch ban hành vào Phụ lục 5*
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	*3*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3=.....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện:……..* *<u>Ghi chú:</u> Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật văn bản và kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4			
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch:.....*

				Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kế hoạch ban hành vào Phụ lục 5
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	*3*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 3=....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện:……..* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật văn bản và kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện / Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)=….		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện:…… Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật văn bản và kết quả thực hiện vào Phụ lục 5
A.2.4. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân. Theo quy định tại Khoản 5, Điều 12 Luật Tiếp công dân: *"5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh ít nhất 01 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này".*	3	(Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh/12 tháng) x3 =….		Liệt kê thông báo, lịch, biên bản,… thể hiện số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân: ……
A.2.5. Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Luật Tiếp công dân Theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân, Người đứng đầu Cơ quan: *"2. Trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình".*	2	(Số lượng Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tiếp dân đầy đủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh) x 2 =…		- Liệt kê danh sách Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tiếp công dân đầy đủ theo quy định:……. Ghi chú: Mỗi Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật thông báo, lịch, biên bản,… thể hiện số tháng tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật Tiếp công dân vào Phụ lục 5

A.2.7. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1	(Số vụ việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng/ Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng gửi tới Chủ tịch UBND cấp tỉnh) =….		- Liệt kê các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:…… - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng:…. - Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng:… - Cung cấp báo cáo công tác PCTN của UBND tỉnh năm 2025
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	**30**	**CÁCH TÍNH ĐIỂM**		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	**27**			
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực:	6			
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	*2*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=….*		*- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai, minh bạch theo quy định:……..* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện công khai, minh bạch vào Phụ lục 5*
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=….*		*- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai, minh bạch theo quy định:……..* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả*

				thực hiện công khai, minh bạch vào Phụ lục 5
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....*		*- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai, minh bạch theo quy định:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện công khai, minh bạch vào Phụ lục 5*
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....*		*- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai, minh bạch theo quy định:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện công khai, minh bạch vào Phụ lục 5*
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....*		*- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện công khai, minh bạch theo quy định:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện công khai, minh bạch vào Phụ lục 5*
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2025)	1	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2025). (Điểm PAR của UBND cấp tỉnh năm 2025)/100		- Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2025)
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	1	(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2025/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) x 1=....		- Liệt kê danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2025:..... Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2025 vào Phụ lục 5

B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025	1	- UBND tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0,5 điểm. - UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 0,5 điểm		- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình. - Báo cáo kết quả thực hiện năm 2025.
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)	2			
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật việc thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.5.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =.....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI)*	3			
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XĐLI trong nội bộ	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát XĐLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành văn bản triển khai thực hiện tổ chức rà soát XĐLI trong nội bộ:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*

B.1.6.2. Kết quả thực hiện rà soát XĐLI trong nội bộ	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả rà soát XĐLI trong nội bộ/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã báo cáo kết quả rà soát XĐLI trong nội bộ...* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI của cả tỉnh	*1*	*- Giải quyết 1 vụ: Được tính 0,2 điểm* *- Giải quyết 2 vụ: Được tính 0,4 điểm* *- Giải quyết 3 vụ: Được tính 0,6 điểm* *- Giải quyết 4 vụ: Được tính 0,8 điểm* *- Giải quyết trên 5 vụ: Được tính 1,0 điểm*		*Liệt kê chi tiết các vụ việc XĐLI đã được giải quyết năm 2025: ...*
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2			
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....*		*- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác:.....* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....		- Liệt kê chi tiết danh sách các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử:..... Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5

B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5			
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh) =....*		*- Liệt kê danh sách sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN:……* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	*1*	*(Số lượng sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/ Tổng số sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh)=....*		*- Liệt kê danh sách sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định:……* *Ghi chú: Mỗi sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện vào Phụ lục 5*
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2025	*1*	*- UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2025:0,5 điểm* *- Thanh tra cấp tỉnh ban hành kế hoạch xác minh TSTN năm 2025:0,5 điểm*		*- Liệt kê văn bản UBND cấp tỉnh Phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN năm 2025* *- Kế hoạch xác minh TSTN năm 2025 .*
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN năm 2025	*2*	*(Số người được xác minh TSTN năm 2025 đã có kết luận/ Tổng số người được xác minh TSTN năm 2025)x 2,0=....*		*- Liệt kê: Báo cáo kết quả xác minh TSTN, kết luận xác minh TSTN đã thực hiện năm 2025 :……*
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)	5			
B.1.10.1. Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10	*1*	*- Có ban hành kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện: 1 điểm*		*Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành:....*

		- Không có kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện: 0 điểm		
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	*1*	*(Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý/ Tổng số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận) =....* *Không xử lý: 0 điểm*		*- Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc:.....* *- Liệt kê các vụ việc đã được xử lý:.....*
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	*3*	*(Số người đã xử lý vi phạm Chỉ thị 10/ Tổng số người vi phạm) x 3 =....* *Không xử lý: 0 điểm*		*- Liệt kê các cá nhân đã xử lý vi phạm Chỉ thị 10 :.....* *- Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chỉ thị 10:.....*
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương	3	Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	- Có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện: 1,0 điểm - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm		Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước năm 2025...
B.2.2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2	(Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng/Tổng số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước) x 2,0 = ...		Liệt kê số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng: ...
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	**40**	**CÁCH TÍNH ĐIỂM**		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	**12**			
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra.	3	(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc		- Liệt kê cụ thể các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng:....

		giám sát phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) =….		- Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng:… - Liệt kê cụ thể các cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng:….. - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2025 của UBND cấp tỉnh. - Báo cáo kết quả giám sát năm 2025.
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.	2	(Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh) =….		- Liệt kê cụ thể các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham:…. - Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng:…. - Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2025.
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra năm 2025	7	(Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng) x 7 =…		Số liệu cụ thể vụ án phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra do các cơ quan điều tra của tỉnh phát hiện trong năm 2025
C.2. Việc xử lý tham nhũng	**20**			
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng	5			
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2,5	*(Số tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng/ Tổng số tổ chức để xảy ra tham nhũng) x 2,5 =....*		*- Liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng.* *- Liệt kê danh sách tổ chức để xảy ra tham nhũng.*
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2,5	*(Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính/ Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện) x 2,5=...*		*- Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính.* *- Liệt kê Tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.*
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5			
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	*2,5*	*(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người bị cơ quan*		

		điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng) x 2,5=.....		
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	*2,5*	*(Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng/ Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5=....*		*Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2025*
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	*2,5*	*(Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng/ Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng) x 2,5=....*		
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5			Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, báo cáo chính thức của cơ quan hoặc người có thẩm quyền về vụ việc, vụ án tham nhũng hoặc từ ngày bản án về tham nhũng có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét xử lý kỷ luật hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra tham nhũng.
C.2.3.1. Hình thức khiển trách *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)*	*2,5*	*(Số cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5 =...* *Không xử lý: 0 điểm.*		*- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý khiển trách Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:...* *- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng:...*
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có*	*2,5*	*(Số cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5=...*		*- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cảnh cáo Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:...*

hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)		*Không xử lý: 0 điểm*		*- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng:...*
C.2.3.3. Hình thức cách chức *Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)*	*2,5*	*(Số cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2,5=...* *Không xử lý: 0 điểm.*		*- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý cách chức Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:....* *- Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng:...*
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	**8**			
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê dánh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị . - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị .

C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về xung đột lợi ích.
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng. - Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN. - Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm về kê khai TSTN.
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	(Số người đã xử lý vi phạm/ Tổng số người vi phạm) =… Không xử lý: 0 điểm		- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN. - Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG	**10**	**CÁCH TÍNH ĐIỂM**		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	**5**			

D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra) x 3 =…		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra theo từng vụ việc:… - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra:…
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 =…		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc:… - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:…
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	**5**			
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử) x 2,5 =…		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc:… - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử:…
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án/ Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án) x 2,5 =…		- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc:… - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng tham nhũng phải thu hồi theo từng bản án:…
Đ. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN 2025	**-10**			
ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	- 2	- Nộp Báo cáo tự đánh giá nhưng chậm nộp tài liệu minh chứng: - 1,0 điểm - Chậm nộp Báo cáo tự đánh giá và tài liệu minh chứng : - 2,0 điểm		
ĐT.2. Tổ chức cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực năm 2025	- 4	Năm 2025, Tổ chức đảng cấp tỉnh (Ban thường vụ tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng ủy UBND tỉnh) bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực:		Liệt kê các Tổ chức đảng cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực trong năm 2025:

		- Mức cảnh cáo: - 4,0 điểm - Mức khiển trách: - 3,0 điểm *(Tỉnh có Tổ chức bị xử lý kỷ luật ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).*		- Mức cảnh cáo:... - Mức khiển trách:...
ĐT.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực năm 2025	- 4	Năm 2025, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư; chủ tịch, phó chủ tịch) bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực: - Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: - 4,0 điểm - Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: -3,0 điểm - Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: -2,0 điểm - Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: -1,0 điểm *(Tỉnh có nhiều trường hợp bị xử lý ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).*		Liệt kê Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư; chủ tịch, phó chủ tịch) bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực trong năm 2025: - Mức 1: (bị xử lý hình sự hoặc khai trừ): ... - Mức 2: (bị xử lý cách chức): ... - Mức 3: (bị xử lý cảnh cáo): ... - Mức 4: (bị xử lý khiển trách): ...

Ghi chú:

- Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập thì tài liệu minh chứng dùng để tính điểm gồm tài liệu trước và sau khi thực hiện sáp nhập; số điểm ứng mỗi tiêu chí đánh giá là số điểm tối đa, được tính căn cứ theo địa phương sau sáp nhập.

Ví dụ: Tỉnh UBND tỉnh A (được sáp nhập từ 3 địa phương A, B và C) theo Phụ lục 1, Mục A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có mức điểm tối đa là 0,2 điểm. Cách tính điểm như sau:

+ UBND tỉnh A (trước hoặc sau khi sáp nhập) có văn bản triển khai: 0,2 điểm;
+ UBND tỉnh A không có văn bản triển khai: 0 điểm.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị liên hệ Cục Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (Cục IV), Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn.

1. Đ/c Hoàng Thanh Long, Trưởng Phòng Tổng hợp, điện thoại: 0913.597.676
2. Đ/c Trương Thanh Hiền, Chuyên viên cao cấp Phòng Tổng hợp: 0982.678.859

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CẤP TỈNH NĂM 2025

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-.....[1]	*....., ngày..... tháng.....năm 2026*

Báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ....

Kính gửi: Thanh tra Chính phủ

Thực hiện các quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng và Kế hoạch số 289/KH-TTCP ngày 04/02/2026 của Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2025, Quyết định số ...../QĐ-TTCP ngày ...../...../2026 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Bộ Chỉ số và Tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2025; Ủy ban nhân tỉnh/thành phố..... báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Địa phương khái quát chung những đặc điểm nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương trong năm 2025 và những chủ trương lớn trong công tác phòng, chống tham nhũng (sau đây viết tắt là PCTN) của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN:

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện.

- Việc Tổ chức cấp tỉnh; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

Tự đánh giá đạt : ..../20 điểm

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước:

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018

[1] Tên của cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2025)

- Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025

- Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025

- Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)

- Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)

- Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử

- Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)

- Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10)

Tự đánh giá đạt : ..../27 điểm

2.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

- UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

- Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

Tự đánh giá đạt : ..../3 điểm

3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:

3.1. Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng:

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra

Tự đánh giá đạt : ..../12 điểm

3.2. Đánh giá việc xử lý tham nhũng:

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân

- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

Tự đánh giá đạt : ..../20 điểm

3.3. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN

Tự đánh giá đạt : ..../8 điểm

4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng:

4.1. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh

Tự đánh giá đạt : ..../5 điểm

4.2. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án:

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án

Tự đánh giá đạt : ..../5 điểm

5. Điểm trừ công tác PCTN năm 2025:

- Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025

- Tổ chức cấp tỉnh bị xử lý kỷ luật do tham nhũng, tiêu cực năm 2025

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do tham nhũng, tiêu cực năm 2025

6. Điểm tự đánh giá công tác PCTN năm 2025:

Căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2025 và tài liệu hướng dẫn do Thanh tra Chính phủ ban hành, UBND tỉnh (thành phố)..... tự chấm điểm đạt:.....điểm/100.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025; NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỀ PCTN

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2025 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2024; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng trong thời gian tới ở địa phương.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) .....

Phụ lục 3. TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	**100**		
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	**20**		
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	**5**		
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN trong năm 2025	1		
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	*0,2*		
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	*0,2*		
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.	*0,2*		
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.	*0,2*		
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật.	*0,2*		
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	1		
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	3		
A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về PCTN	*0,5*		
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	*0,5*		
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	*0,5*		
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	*0,5*		
A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	*0,5*		
A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2025	*0,5*		
A.2. Đánh giá việc UBND tỉnh và các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	**15**		

A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	*1*		
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	*3*		
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4		
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	*1*		
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	*3*		
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1		
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	3		
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	2		
A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	1		
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	**30**		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	**27**		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	6		
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	*2*		
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	*1*		
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	*1*		
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	*1*		
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	*1*		
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2025)	1		
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	1		
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1		
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2		
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	*1*		
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	*1*		
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI)*	3		
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	*1*		
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	*1*		
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI	*1*		

B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2		
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	*1*		
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	*1*		
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1		
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5		
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	*1*		
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	*1*		
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	*1*		
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	*2*		
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5		
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	*1*		
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	*1*		
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	*3*		
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	**3**		
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1		
B.2.2. Kết quả thực hiện phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2		
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	**40**		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	**12**		
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3		
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh,tố cáo	2		
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7		
C.2. Việc xử lý tham nhũng	**20**		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5		
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	*2,5*		
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	*2,5*		
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5		
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	*2,5*		
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	*2,5*		
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	*2,5*		

C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5		
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	*2,5*		
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	*2,5*		
C.2.3.3. Hình thức cách chức	*2,5*		
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	**8**		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	1		
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1		
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1		
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1		
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	**10**		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	**5**		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3		
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2		
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	**5**		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5		
Đ. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025	**-10**		

ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	-2		
ĐT.2. Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4		
ĐT.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4		

TÊN UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)....

PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	UBND cấp tỉnh liệt kê tài liệu, số liệu minh chứng *(Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung…)*
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương về PCTN trong năm 2025	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.	
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.	
A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật.	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	
A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về PCTN	
A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	
A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	
A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2025	

A.2. Đánh giá việc UBND tỉnh và các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	
A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng.	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước	
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2025)	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI)*	
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI	
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	

B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	
B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	
B.2.2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh,tố cáo	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	
C.2. Việc xử lý tham nhũng	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	
C.2.3.3. Hình thức cách chức	
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	

C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG	
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	
Đ. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025	
ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	
ĐT.2. Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	
ĐT.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	

TÊN SỞ, BAN, NGÀNH

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN *(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)*	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
A.2. Đánh giá việc các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh		
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch		
A.2.1.2. Kết quả thực hiện		
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch		
A.2.2.2. Kết quả thực hiện		
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	(Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh ghi tại mục này)	
B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực		
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính		
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn		
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức		

B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước		
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công		
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn		
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện		
B.1.5.2. Kết quả thực hiện		
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích *(XĐLI)*		
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện		
B.1.6.2. Kết quả thực hiện		
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI		
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch		
B.1.7.2. Kết quả thực hiện		
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử		
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.		
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN		
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN		
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN		
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP		
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP		
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....		
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP		
C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG		
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng		
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát		
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh,tố cáo		
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra		
C.2. Việc xử lý tham nhũng		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN		
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.		
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN		
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra		
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố		
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử		

C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.		
C.2.3.1. Hình thức khiển trách		
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo		
C.2.3.3. Hình thức cách chức		
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)		
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG		
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra		
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án		